TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2020
V/v tranh chấp : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thảo
2. Ông Bùi Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 577/2019/HNST ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Kim A, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện J, tỉnh An Giang. "vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt"

2. Bị đơn: Ông Đặng Trường B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đường K, Phường L, Quận M, TP. Hồ Chí Minh. "vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các biên bản tiếp theo sau đó, bà Phạm Kim A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Trường S chung sống với nhau từ năm 2016 không đăng ký kết hôn. Tại thời điểm chung sống với nhau chưa ai có vợ hoặc có chồng. Quá trình sống chung, giữa hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do không đồng quan điểm sống, lối sống và không có tiếng nói chung. Thời gian gần đây cả hai đã tự sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông Đặng Trường B có 01 con chung tên Đặng Hoài Thanh C, sinh ngày 05/11/2016. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông Đặng Trường B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Đặng Trường B không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Đặng Trường B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông B thống nhất với các lời khai của bà Kim A về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời khai của bà Kim A. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Kim A, ông B cũng đồng ý ly hôn với bà Kim A để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: ông B cũng xác nhận ông và bà Kim A có 01 con chung tên Đặng Hoài Thanh C, sinh ngày 05/11/2016. Khi ly hôn ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Phạm Kim A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B chung sống với nhau từ năm 2016 và không đăng ký kết hôn. Bà Kim A yêu cầu được ly hôn với ông B. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16 và các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ của bà Kim A và ông B là quan hệ vợ chồng; về con chung: giao con chung tên Đặng Hoài Thanh C, sinh ngày 05/11/2016 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung bà Kim A, ông B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Kim A và ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về án phí LHST: Bà Phạm Kim A phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng. Bà A đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường C vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của các đương sự, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Phạm

Kim A và ông Đặng Trường S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa bà Kim A và ông C có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng không còn và cả hai đã tự sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Kim A cương quyết xin ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà Kim A và ông B lại không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai ông, bà.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự, bản sao trích lục khai sinh có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B có 01 con chung tên Đặng Hoài Thanh C, sinh ngày 05/11/2016. Do hai bên thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Đặng Trường B trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện con chung đang ở với ông B. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho trẻ C cũng như đảm bảo cho trẻ phát triển tốt về mọi mặt, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà A và ông B giao trẻ C cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phạm Kim A phải chịu án phí ly hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Phạm Kim A đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Điều 14, Điều 15, Điều 16 và các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Kim A.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Xác định bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B có 01 con chung tên Đặng Hoài Thanh C, sinh ngày 05/11/2016.

Giao con chung tên Đặng Hoài Thanh C cho ông Đặng Trường B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Bà Phạm Kim A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng bà Kim A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Kim A và ông Đặng Trường B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Án phí LHST số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Kim A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Kim A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0024755 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà Phạm Kim A đã nộp đủ án phí.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục THADS Q4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo